

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thà nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm

2. Ông Phú Minh Thông

Thư ký phiên toà: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1401/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên số 3256/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số P đường Q, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Y, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số S đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2021, các lời trình bày tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Phan T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Y là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2008 cấp tại Ủy ban nhân dân phường T, Thị xã N (nay là Thành phố N), tỉnh Long An ngày 28/04/2008. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể như bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, sự khác biệt về lối sống... Trong quá trình hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trở nên gay gắt nên cuộc sống gia đình vì thế rơi vào tình trạng căng thẳng kéo dài. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải, tìm cách giải quyết nhưng không được. Nay ông T đã dọn

ra ngoài ở, không còn ở chung nhà với bà Y. Vì vậy, vợ chồng không còn tình cảm, không còn ở chung và quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Y.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Y có 01 con chung tên Phan B (giới tính: nữ), sinh ngày 10/08/2007. Ông và bà Y sẽ tự thỏa thuận vấn đề con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T tự khai không có.

Kèm theo đơn khởi kiện ông Phan T đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Bản sao sổ hộ khẩu nhà số S đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân của ông Phan T; trích lục giấy đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh trẻ Phan B.

Về phía bị đơn - bà Nguyễn Y: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia xét xử, nhưng phía bị đơn không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án nhân dân Quận 1, Tp Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn của ông Phan T và bà Nguyễn Y. Theo công văn số: 703/UBND về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của Ủy ban nhân dân phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: ông Phan T và bà Nguyễn Y không chung sống tại địa phương nên Ủy ban nhân dân phường Bến Thành không nắm rõ tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của

mình đối với yêu cầu của nguyên đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan T được ly hôn với bà Nguyễn Y.
- Về con chung: Ông Phan T và bà Nguyễn Y có 01 con chung tên Phan B (giới tính: nữ), sinh ngày 10/08/2007. Ông Phan T và bà Y tự thỏa thuận vấn đề con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan T khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

Ông Phan T và bà Nguyễn Y tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Thị xã N (nay là Thành phố N), tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2008, ngày 28/04/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Phan T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Y. Xét bà Nguyễn Y cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26/5/2022 nguyên đơn - ông Phan T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét Đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan T.

Bà Nguyễn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Y.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

- Xét yêu cầu của ông Phan T về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nguyên đơn trình bày vợ chồng trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể như bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, sự khác biệt về lối sống. Trong quá trình hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trở nên gay gắt. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải, tìm cách giải quyết nhưng không được. Hiện nay ông T đã dọn ra ngoài ở, không còn ở chung nhà với bà Y.

Từ khi ông T nộp đơn khởi kiện, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Y, tiến hành hòa giải nhưng bà Y vắng mặt không có lý do, không hợp tác với Tòa án

để giải quyết vụ án. Xét theo công văn số: 703/UBND về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của Ủy ban nhân dân phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ông Phan T và bà Nguyễn Y không chung sống tại địa phương, có cơ sở cho thấy cuộc sống chung giữa ông T và bà Y không còn tồn tại. Vậy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà Y không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng giữa ông T và bà Y là trầm trọng. Vì vậy, yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà Y là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông T khai có một con chung là Phan B (giới tính: nữ), sinh ngày 10/08/2007, ông T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Ông Phan T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan T, sinh ngày 11/6/1986 được ly hôn bà Nguyễn Y, sinh ngày 10/4/1986 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường T, Thị xã N (Thành phố Tân An), tỉnh Long An cấp ngày 28/04/2008.

- Về con chung: Ông Phan T và bà Nguyễn Y có 01 con chung tên Phan B (giới tính: nữ), sinh ngày 10/08/2007. Ông Phan T và bà Nguyễn Y tự thỏa thuận vấn đề con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan T xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005039 ngày 22 tháng 10 năm 2021

của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND Phường T, Tp.N, tỉnh Long An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Thanh Nhàn